

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát, tại xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về chủ trương đầu tư Dự án nhà máy nước sạch huyện Mường Lát;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét Văn bản số 6003/STNMT-BVMT ngày 12/7/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án “Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát, tại xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 633/Tr-STNMT ngày 14/7/2022.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát, tại xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát, tại xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát thực hiện tại xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Mường Lát; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**của dự án Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát, tại xã Tam Chung**  
**và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát của Ban Quản lý dự án**  
**đầu tư xây dựng huyện Mường Lát**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của  
 UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát, tại xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát.
- Địa điểm thực hiện: xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát.
- + Đại diện: Ông Hà Văn Chiến - Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ trụ sở: Khu 3, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
- + Điện thoại liên hệ: 0363.812.618

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

Dự án Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát được xây dựng tại xã Tam Chung và thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Quy mô của dự án:

Quy mô sử dụng đất của dự án là 4761,56 m<sup>2</sup>.

Công suất nhà máy xử lý và cấp nước sạch 1.200m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Quy mô khai thác nước mặt 0,021m<sup>3</sup>/s, chế độ khai thác 16 giờ/ngày.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Công trình thu đầu nguồn, trạm bơm nước thô: 30m<sup>2</sup>.
- Bơm cấp 1: 10 m<sup>2</sup>.
- Hồ chứa nước thô: 2.365 m<sup>2</sup>.
- Cụm bể xử lý: 143 m<sup>2</sup>.
- Bể chứa nước sạch: 317 m<sup>2</sup>.
- Trạm bơm cấp 2, nhà clo hóa: 107 m<sup>2</sup>.
- Hồ chứa nước thải: 57 m<sup>2</sup>.
- Trạm biến áp: 6,5 m<sup>2</sup>.
- Nhà quản lý: 177 m<sup>2</sup>.
- Cổng, tường rào, đường nội bộ: 890 m<sup>2</sup>.
- Cây xanh, bồn hoa: 689,06 m<sup>2</sup>.
- Tuyến ống truyền tải và phân phối: 13.353 m.

- Tuyến ống nhánh vào các hộ sử dụng (dự kiến) 13.700 m.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Giải phóng mặt bằng khu vực dự án.
- Thi công nhà máy.
- Thi công tuyến đường ống.
- Khai thác nước mặt.
- Phòng thí nghiệm phân tích chất lượng nước.
- Khu vực lưu giữ hóa chất xử lý nước.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

#### **3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải**

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 1,7m<sup>3</sup>/ngày (bao gồm nước rửa tay chân 0,85m<sup>3</sup>/ngày và nước nhà vệ sinh 0,65m<sup>3</sup>/ngày, nước thải nhà bếp 0,2m<sup>3</sup>/ngày). Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lớp xe khoảng 2,0m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có khoảng 51m<sup>3</sup>/h. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

#### **3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

Trong giai đoạn thi công xây dựng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu,... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, hơi xăng,...

#### **3.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 14 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải từ thực vật phát quang là 30m<sup>3</sup>, thành phần chủ yếu là cành lá cây tươi.

- Chất thải từ phá dỡ công trình nhà và tường rào và thi công tuyến ống truyền tải và phân phối khoảng 167m<sup>3</sup>, thành phần là hồ vữa, gạch đá, gỗ, sắt thép,..

- Chất thải rắn xây dựng từ thi công xây dựng nhà máy gồm: 49 tấn vật liệu xây dựng (đất, đá, cát) và 2,0 tấn vật liệu xây dựng khác (vụn sắt, vụn khuôn hồng, ống nhựa...).

#### **3.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:**

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 5,0 kg/tháng, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, pin, bóng đèn neon.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa 20 lít/lần thay dầu.

### **3.1.5. Tác động do, tiếng ồn, độ rung**

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển ảnh hưởng đến các hộ dân tiếp giáp ranh giới dự án và các hộ dân hai bên tuyến đường vận chuyển. Các tác động do tiếng ồn diễn ra không liên tục trong thời gian thi công dự án. Vì vậy các tác động này mang tính chất thời điểm, tạm thời và có thể khắc phục hiệu quả bằng các biện pháp quản lý và thi công.

## **3.2. Giai đoạn vận hành**

### **3.2.1. Nước thải từ hoạt động vận hành**

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng  $0,8\text{m}^3/\text{ngày}$  (bao gồm nước rửa tay chân và nước nhà vệ sinh, nước thải nhà bếp). Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình xả cặn khoảng  $42\text{m}^3/\text{ngày}$ ; sục rửa bể chứa nước  $80\text{m}^3/1$  lần (định kỳ 06 tháng sục rửa 01 lần); sục rửa đường ống  $260\text{m}^3/\text{lần}$  (định kỳ 03 năm sục rửa 01 lần). Loại nước này có chứa một lượng đáng kể cặn bẩn.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có khoảng  $81\text{m}^3/\text{h}$ . Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

### **3.2.2. Bụi và khí thải :**

- Bụi và khí thải từ hoạt động các phương tiện ra vào dự án. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí  $\text{CO}$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_2$  và VOC, tác động không lớn.

- Mùi từ khu vực chứa hóa chất, bể chứa Clo của dự án. Thành phần chủ yếu là hơi Clo.

### **3.2.3. Chất thải rắn:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng  $8,0\text{ kg}/\text{ngày}$  chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Bùn cặn trong quá trình xử lý nước cấp có khoảng  $9,0\text{m}^3$ .

### **3.2.3. Chất thải nguy hại:**

- Dầu mỡ, dẻ lau dính dầu phát sinh trong khi sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, bóng đèn hư hỏng, pin, hộp mực in,...: khối lượng khoảng  $5,0\text{ kg}/\text{tháng}$ .

- Vỏ bao bì chứa hóa chất có khối lượng phát sinh khoảng  $10\text{kg}/\text{tháng}$ .

- Chất thải lỏng là dầu nhớt phát sinh từ thay dầu máy phát điện có khối lượng phát sinh khoảng  $20\text{lít}/\text{năm}$ .

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:**

### **4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:**

#### **4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải**

\* Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) với lưu lượng  $0,65\text{m}^3/\text{ngày}$  được xử lý bằng 01 nhà vệ sinh cố định thể tích  $20\text{m}^3$  xây dựng tại khu vực lán trại.

- Nước thải vệ sinh tay chân với lưu lượng  $0,85\text{m}^3/\text{ngày}$  được thu gom và dẫn về hố lắng cùng nước thải vệ sinh thiết bị máy móc, thể tích hố lắng  $4,0\text{ m}^3$ .

- Nước thải nhà ăn với lưu lượng  $0,2\text{m}^3/\text{ngày}$  được thu gom dẫn về bể tách mỡ dung tích  $0,1\text{m}^3$  để tách mỡ và lắng cặn, sau đó dẫn về hố lắng cùng nước thải vệ sinh thiết bị máy móc, thể tích  $4,0\text{ m}^3$ .

*\* Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:*

- Xây dựng 01 hố lắng thể tích  $4,0\text{ m}^3$  để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công.

- Tái sử dụng nước từ bể lắng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi.

*\* Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:*

- Trước khi thi công sẽ san gạt tạo mặt bằng khu vực thi công, không để các khu vực trũng thấp.

- Che chắn vật liệu rời như đá dăm, cát khi có mưa.

- Không tập kết vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại khu vực trũng, thấp hoặc gần các tuyến thoát nước mưa.

- Thu dọn các vật liệu rơi vãi trước khi kết thúc ca thi công, hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước là rộng x sâu =  $30 \times 30\text{cm}$  dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là  $50\text{m}$ . Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm có kích thước  $50 \times 50 \times 50\text{cm}$  để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố ga  $50\text{m}/\text{hố ga}$ . Nước mưa được thu gom và dẫn vào hệ thống mương thoát nước chung dọc đường nhựa liên xã phía Bắc dự án.

#### **4.1.2. Về bụi, khí thải**

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường nhựa liên xã vận chuyển nguyên liệu với khoảng cách  $1,0\text{km}$  từ dự án với tần suất  $04\text{lần}/\text{ngày}$  và thực hiện khi phát sinh nhiều bụi.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền. Sử dụng máy bơm nước phun ẩm dập bụi khi trút đổ vật liệu rời (đất, cát, đá dăm).

- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, sẽ thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên.

- Vận chuyển nguyên vật liệu rời trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường. Khu rửa xe được bố trí với diện tích  $40\text{m}^2$ , được bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra khỏi công trường được xịt sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

- Công nhân thi công được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động (bao gồm: khẩu trang, kính, mũ, găng tay, ủng, áo, quần...)  $02\text{ bộ}/\text{người}/\text{năm}$ .

### **4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường**

*\* Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

- Trang bị và sử dụng 03 thùng đựng rác có nắp đậy 20 lít để thu gom, phân loại rác gồm: 01 thùng màu xanh, 01 thùng màu vàng và 01 thùng màu trắng, đặt tại khu lán trại công nhân để chứa chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom địa phương vận chuyển xử lý với tần suất 01 - 03 ngày/lần.

*\* Đối với chất thải rắn xây dựng:*

- Chất thải từ quá trình thu dọn thực vật cho các hộ dân tận dụng làm củi, thức ăn gia súc. Phần còn lại hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Vật liệu xây dựng rơi vãi được thu gom tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng dự án.

- Đất bóc hữu cơ được tận dụng san lấp mặt bằng khu vực cây xanh của dự án.

- Vụn sắt, thép, bao bì xi măng, nhựa,... được thu gom bán cho người mua tái chế.

### **4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

- Hợp đồng với cơ sở bảo dưỡng để thay dầu và bảo dưỡng thiết bị, phương tiện tại cơ sở cung cấp dịch vụ.

- Trang bị 02 thùng nhựa coposite loại 120 lít/thùng có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định, đặt tại kho tạm trên công trường để thu gom lưu giữ chất thải rắn nguy hại theo quy định.

- Trang bị 01 can nhựa composite loại 30 lít có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định, đặt tại kho tạm trên công trường để thu gom lưu giữ chất thải lỏng nguy hại theo quy định.

- Hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sau khi kết thúc thi công.

### **4.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

*a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung.*

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Có kế hoạch thi công hợp lý. Không thi công vào giờ nghỉ trưa (12-13h); giờ ban đêm (22-6h). Hạn chế vận chuyển giờ cao điểm giao thông (6-8h và 16-18h)

- Công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao sẽ được trang bị nút tai chống ồn.

- Sử dụng đầm cóc để thi công các vị trí tiếp giáp các công trình nhà dân, không sử dụng lu máy, lu rung.

*b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro sự cố môi trường*

- Trang bị 02 bình bột cứu hỏa loại 4,0kg. Đặt khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Dự trữ cọc tre, bao tải tại khu kho tạm để phòng ngừa ứng phó sự cố lũ lụt, thiên tai khi thi công.

- Tuân thủ các quy định an toàn giao thông khi vận chuyển nguyên vật liệu.

- Khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công.

## **4.2. Giai đoạn vận hành:**

### **4.2.1. Các biện pháp công trình giảm thiểu nước thải:**

- Nước thải nhà vệ sinh được thu gom xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn đã xây dựng trong giai đoạn thi công sau đó thoát ra hệ thống thoát nước dọc đường nhựa liên xã về phía Bắc dự án.

- Nước thải vệ sinh tay chân thu gom và dẫn về hố lắng 0,5m<sup>3</sup> sau đó thoát nước dọc đường nhựa liên xã phía Bắc dự án.

- Nước thải nhà ăn được thu gom dẫn về bể tách mỡ dung tích 0,1m<sup>3</sup> để tách mỡ và lắng cặn, sau đó thoát nước dọc đường nhựa liên xã phía Bắc dự án.

- Nước thải xả cặn, sục rửa bể được thu gom và dẫn về hố chứa nước thải thể tích 150m<sup>3</sup> để lắng cặn bùn và tách nước. Nước sau lắng cặn được dẫn về hồ chứa nước thô. Bùn cặn định kỳ hút vận chuyển xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên mái được thu gom bằng hệ thống máng thu nước mưa, sau đó dẫn về ống thoát nước mái D110 nằm trong các hộp kỹ thuật. Nước mưa được dẫn về hệ thống mương thu gom nước mưa dọc các công trình đến rãnh thoát nước mưa khu vực dọc đường nhựa liên xã hiện trạng. Trên hệ thống thoát nước mưa cứ 30m có một hố ga thu nước mưa và lắng chất rắn lơ lửng. Tổng chiều dài mương thoát nước mưa của dự án là 200m với 07 hố ga lắng.

### **4.2.2. Các biện pháp công trình giảm thiểu bụi:**

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân 02 bộ/người/năm.

- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh khu vực nhà máy. Tưới ẩm sân đường trước giờ vào ca và tan ca để giảm bụi.

- Trồng và chăm sóc cây xanh theo thiết kế được duyệt

- Lắp đặt 01 hệ thống hút mùi nhà bếp; 02 hút mùi nhà vệ sinh.

- Lắp đặt 01 quạt thông gió khu vực lưu chứa hóa chất (nhà Clo hóa).

### **4.2.3. Các biện pháp công trình giảm thiểu CTR:**

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn và chứa vào 03 thùng đựng rác loại 50 lít/thùng để thu gom rác thải sinh hoạt công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý với tần suất 01 - 03 ngày/lần. Chất thải tái chế được thu gom bán cho người mua tái chế.



- Bùn từ quá trình xử lý nước định kỳ 01 tháng/lần hút và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

#### **4.2.4. Các biện pháp công trình giảm thiểu CTNH:**

- Trang bị 02 thùng có dung tích 120 lít/thùng để chứa chất thải rắn nguy hại, 01 can có dung tích 30 lít để chứa chất thải lỏng nguy hại; các thùng chứa đặt tại nhà trạm bơm cấp II.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý định kỳ 06 tháng/lần.

#### **4.2.5. Các biện pháp công trình ứng phó sự cố:**

- Lập hồ sơ cấp phép khai thác nước và thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng nước đầu ra, đầu vào của dự án.

- Lấy mẫu giám sát chất lượng nước theo đúng quy định.

- Lắp đặt hệ thống đường ống, nhà máy theo đúng thiết kế.

- Thường xuyên theo dõi áp lực nước, phát hiện sớm hư hỏng và khắc phục kịp thời.

- Thực hiện nghiêm chế độ giám sát, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, đường ống,...

- Khi có sự cố tràn đổ Clo thì dùng vôi bột để rải lên bề mặt clo tràn đổ.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

#### **5.1. Chương trình quản lý môi trường**

Giai đoạn thi công dự án chủ dự án, nhà thầu thi công chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khu vực dự án với sự giám sát của UBND xã Tam Chung, UBND thị trấn Mường Lát, UBND huyện Mường Lát, Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

#### **5.2. Chương trình giám sát môi trường**

##### **a. Giám sát đối với bụi và khí thải giai đoạn thi công:**

- Tần suất giám sát: 03 tháng /lần

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Vị trí giám sát: 02 điểm tại:

+ Khu vực công trung tâm thực hiện dự án.

+ Khu vực công ra vào dự án.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

##### **b. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành dự án**

*Giám sát chất lượng nước đầu vào:*

- Vị trí giám sát:
- + Nước sông Mã vị trí cửa lấy nước vào nhà máy.
- + Nước tại hồ chứa nước thô của nhà máy.
- Tần suất và tọa độ vị trí giám sát: 03 tháng /lần
- Chỉ tiêu giám sát: pH, độ đục, DO, TSS, Amoni, Phosphat, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform..
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

*Giám sát chất lượng nước đầu ra:*

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.
- + 01 mẫu lấy tại bể chứa nước sạch sau xử lý của nhà máy.
- + 01 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối.
- + 01 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối.
- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần với các chỉ tiêu: pH, Độ đục, Asen, màu sắc, mùi vị, Clo dư, E.coli, Coliform.
- Tần suất giám sát 06 tháng/lần đối 22 chỉ tiêu nhóm B quy định tại QCVN 01:2021/TH về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Tần suất giám sát: 03 năm/lần với tất cả các chỉ tiêu quy định tại QCVN 01:2021/TH về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 01:2021/TH về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sinh hoạt.

**6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác,

xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.